

Số: /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025,  
tầm nhìn đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy Hưng Yên về Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 02/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 114/TTr-STTTT ngày 11/02/2022 về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, với những nội dung chính sau:

**I. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

**1. Hạ tầng, nền tảng kỹ thuật công nghệ thông tin**

a) Ứng dụng cung cấp dịch vụ và dữ liệu thông tin

Cổng Thông tin điện tử (TTĐT) tỉnh và các Cổng/Trang TTĐT của các sở, ngành, địa phương được vận hành, cập nhật dữ liệu theo quy định. Các Cổng TTĐT cơ bản đăng tải công khai các thông tin theo quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ, qua đó góp phần đẩy mạnh minh bạch và tiếp cận thông tin của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân với các cơ quan Nhà nước.

Cổng TTĐT tỉnh hiện cung cấp danh mục TTHC 3 cấp gồm 1.899 thủ tục hành chính (TTHC); toàn tỉnh có 1.525 danh mục TTHC dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 3 và 4 đạt trên 80%.

Tỉnh đã triển khai phần mềm một cửa điện tử tập trung thống nhất theo hướng thuê dịch vụ tại 188 cơ quan, đơn vị, trong đó có 17 sở, ban, ngành, 10 UBND cấp huyện và 161 UBND cấp xã; đảm bảo hoàn thành triển khai cho 100% cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng phần mềm. Phần mềm một cửa điện tử tỉnh thực hiện tích hợp, kết nối với một số phần mềm ứng dụng như: phần mềm quản lý lịch tư pháp dùng chung, phần mềm đăng ký đất đai...

UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hưng Yên thuộc Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh được chuyển về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để thực hiện tiếp nhận, trả kết quả thủ tục hành chính theo mô hình tập trung.

b) Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

Các hệ thống thông tin dùng chung:

- Phần mềm quản lý văn bản và điều hành: 100% cơ quan quản lý nhà nước triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành (191 cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã) được kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã qua trực kết nối liên thông văn bản của tỉnh.

+ Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn điện tử trên môi trường mạng giữa các các cơ quan nhà nước sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành trên địa bàn tỉnh đạt trên 98%;

+ Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển song song bằng văn bản điện tử và văn bản giấy giữa các các cơ quan nhà nước sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành trên địa bàn tỉnh là dưới 2%;

- Thư điện tử công vụ: Cấp trên 10.000 hộp thư điện tử (tên miền mail.hungyen.gov.vn) cho 100% cán bộ, công chức tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và trên 90% cán bộ, công chức cấp xã.

- Chữ ký số chuyên dùng: Cấp trên 1200 chứng thư số và chữ ký số chuyên dùng, trong đó: cấp chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng cho 100% các sở, ngành

và UBND cấp huyện và lãnh đạo các các quan, đơn vị; cấp chứng thư số cho 100% UBND cấp xã. Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành của tỉnh được tích hợp chữ ký số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp. Tỷ lệ văn bản điện tử được gửi nhận giữa các cơ quan nhà nước qua phần mềm quản lý văn bản và điều hành có chữ ký số chuyên dùng đạt trên 98% tổng số văn bản điện tử.

### c) Các ứng dụng CNTT chuyên ngành

Các cơ quan, đơn vị chủ động triển khai các ứng dụng phục vụ chuyên ngành theo Kế hoạch. Một số phần mềm ứng dụng do các Sở, ngành triển khai như: Nội vụ, Tài chính, Công thương, Tư pháp, Giáo dục, Y tế, Thông tin Truyền thông,... liên quan đến chấm điểm số cải cách hành chính, quyết toán ngân sách ngành tài chính, trang văn bản phục vụ điều hành trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, xúc tiến thương mại, hỗ trợ các hoạt động dạy học tại các trường học, các ứng dụng phục vụ quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử cho công dân,... giúp cho việc quản lý, xử lý và thực hiện các công việc chuyên môn liên quan được chính xác, nhanh chóng, thuận tiện, đạt hiệu quả cao.

## **2. Triển khai chính quyền điện tử**

Năm 2021, UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử, phiên bản 2.0, trong đó hướng tới các mục tiêu: là cơ sở giúp lãnh đạo tỉnh đưa ra các quyết định đầu tư triển khai Chính quyền điện tử chính xác, kịp thời; tăng cường khả năng kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ, sử dụng lại thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin; tăng cường khả năng giám sát, đánh giá đầu tư; đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, tránh trùng lặp, tiết kiệm chi phí và thời gian triển khai của cơ quan nhà nước tại tỉnh Hưng Yên; nâng cao tính linh hoạt khi xây dựng, triển khai các thành phần, hệ thống thông tin theo điều kiện thực tế tại tỉnh Hưng Yên.

## **3. Ứng dụng CNTT phát triển kinh tế - xã hội**

### - Lĩnh vực Y tế:

+ Sở Y tế đã chỉ đạo các đơn vị y tế ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, khám bệnh, chữa bệnh; thực hiện việc đẩy dữ liệu lên Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội và Cổng thông tin của Bộ Y tế. Thường xuyên cập nhật thông tin, cơ sở dữ liệu, điều chỉnh phù hợp với chỉ đạo của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

+ Triển khai nhiều phần mềm chuyên ngành như: phần mềm quản lý tiêm chủng, thống kê y tế điện tử,... từng bước kết nối liên thông cơ sở dữ liệu cung ứng thuốc trên toàn quốc.

+ Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ trong công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 như phần mềm khai báo y tế tự nguyện (NCOVI), khai báo y tế bắt buộc cho người nhập cảnh (Vietnam Health Declaration), Bluezone, An toàn COVID ....

- Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: ngành giáo dục của tỉnh đã triển khai các giải pháp ứng dụng CNTT đáp ứng cho mục tiêu chuyển đổi số trong ngành Giáo dục, bao gồm các nội dung: Số hóa cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục thành hệ thống tổng thể từ nhà trường đến các cấp quản lý; Dạy học trực tuyến... Triển khai chương trình bồi dưỡng cán bộ, viên chức, giáo viên nhằm nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy và học; các chương trình, giáo trình giảng dạy CNTT nhằm đào tạo nguồn nhân lực giỏi về CNTT.

- Lĩnh vực giao thông vận tải: Tỉnh sử dụng và khai thác có hiệu quả hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến của ngành dọc triển khai; triển khai quản lý bằng phần mềm và cơ sở dữ liệu của ngành đã xây dựng.

- Lĩnh vực thương mại điện tử: Cổng thông tin điện tử của Sở Công Thương đã tích hợp phần mềm danh bạ điện tử và danh bạ doanh nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp đăng tải thông tin, hình ảnh, sản phẩm tiêu biểu.

#### **4. Nhân lực CNTT**

Ngày 04/5/2018, UBND tỉnh có Công văn số 1151/UBND-NC về việc bố trí công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, quản trị mạng, theo đó, yêu cầu các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện rà soát, bố trí cán bộ chuyên trách về CNTT. Cán bộ CNTT có trình độ đại học trở lên tại các cơ quan, đơn vị; tuy nhiên, còn một số đơn vị chưa bố trí hoặc bố trí cán bộ kiêm nhiệm về CNTT. Cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh và huyện thường xuyên sử dụng máy tính và ứng dụng CNTT trong công việc.

Các cơ quan, đơn vị chủ động tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, hướng dẫn các kỹ năng ứng dụng, sử dụng ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan mình.

#### **5. Ưu điểm, hạn chế**

##### **a) Ưu điểm**

- Hạ tầng CNTT tỉnh Hưng Yên được quan tâm, đầu tư, đảm bảo cơ bản đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành trên môi trường mạng của tỉnh.

- Trung tâm Hành chính công của tỉnh và bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã hoạt động có hiệu quả, sử dụng chung phần mềm Cổng dịch vụ công trực tuyến để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đã góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp.

- Bước đầu Tỉnh đã xây dựng được một số hệ thống ứng dụng và CSDL dùng chung, phát huy hiệu quả hoạt động phục vụ cho công tác xử lý nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức và công dân.

##### **b) Hạn chế**

- Cơ sở dữ liệu chưa đồng bộ, liên thông; chưa đáp ứng được nhu cầu trao đổi, chia sẻ, tổng hợp khai thác dữ liệu.

- Nhiều đơn vị chưa có sự quan tâm đúng mức về công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

- Việc đầu tư cho CNTT còn nhỏ lẻ, phân tán thiếu sự đồng bộ.

- Việc triển khai DVC trực tuyến mức độ 3, 4 còn gặp nhiều khó khăn.

- Nhân lực chuyên trách về CNTT ở một số cơ quan đơn vị còn thiếu, nhiều đơn vị phải bố trí cán bộ kiêm nhiệm dẫn tới việc chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, chưa chủ động trong tham mưu đẩy mạnh ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị. Thiếu chính sách phù hợp để thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực CNTT về làm việc.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu đến năm 2025**

a) Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 (trong đó trên 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 100% hoạt động quản lý nhà nước các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã sử dụng văn bản điện tử có chữ ký số, liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã và liên thông quốc gia trong các hoạt động quản lý nhà nước (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh và với các cơ sở dữ liệu quốc gia. Xây dựng Cổng thông tin dữ liệu mở của tỉnh để chia sẻ dữ liệu cho cộng đồng phục vụ phát triển chính quyền số, phục vụ nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội;

- 50% hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- Có 02 đô thị là thành phố Hưng Yên và thị xã Mỹ Hào đạt các tiêu chí cơ bản về đô thị thông minh.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phần đầu kinh tế số chiếm 20% GRDP (Tổng sản phẩm trên địa bàn);

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 7%;
- Phần đầu có 500 doanh nghiệp số.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang bao phủ 100% xã, phường, thị trấn và trên 80% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G;
- 90% người dân sử dụng điện thoại thông minh;
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

## **2. Định hướng đến năm 2030**

a) Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;
- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);
- Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm ít nhất 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp;

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- Các đô thị trực thuộc tỉnh đạt các tiêu chí cơ bản về đô thị thông minh.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm 30% GRDP (Tổng sản phẩm trên địa bàn);
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 7,5%;
- Phần đầu có trên 1.000 doanh nghiệp số.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang;
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 3G;
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số**

a) Chuyển đổi nhận thức

- Người đứng đầu địa phương, cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong địa phương, cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa

bàn phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Tổ chức các chuyên đề tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, các khóa đào tạo để nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo từ tỉnh đến xã, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị;

- Tổ chức các khóa chuyên sâu và nâng cao về phương thức, công nghệ của chuyển đổi số; phương thức tạo lập, hình thành các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số cho cán bộ công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện; tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số;

- Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về kế hoạch chuyển đổi số trên báo chí và phương tiện truyền thông của tỉnh.

#### b) Xây dựng cơ chế chính sách

- Xây dựng cơ chế chính sách theo hướng khuyến khích, sẵn sàng chấp nhận sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số, thúc đẩy phương thức quản lý mới đối với những mối quan hệ mới phát sinh, bao gồm:

- Xây dựng và ban hành các quy định về tính pháp lý của dữ liệu số (trong đó có quy định về việc thu thập dữ liệu một lần); quy định số hóa dữ liệu, trong đó chú trọng đến quy định danh mục các dữ liệu cơ quan nhà nước phải số hóa theo lộ trình đồng thời chuẩn hóa nghiệp vụ trên nền tảng công nghệ để khai thác, vận hành có hiệu quả các dữ liệu được số hóa;

- Xây dựng và ban hành Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu tỉnh Hưng Yên; quy định về định danh và xác thực điện tử cho cá nhân, tổ chức; bổ sung, sửa đổi quy định về đảm bảo an toàn thông tin mạng của tỉnh; quy định về quản trị, giám sát và vận hành cho hệ thống thông tin Chính quyền số; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xếp hạng chuyển đổi số đối với các lãnh đạo, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp;

- Ban hành quy định ưu tiên doanh nghiệp địa phương thực hiện chuyển đổi số để đồng hành cùng chính quyền trong công cuộc chuyển đổi số, huy động nguồn lực doanh nghiệp đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển chất lượng doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh;

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, đầu tư Khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh.

#### c) Phát triển hạ tầng số

Phát triển hạ tầng số, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu về kết nối và xử lý dữ liệu, các chức năng về giám sát mạng lưới đến từng nút mạng và bảo đảm an toàn, an ninh mạng được tích hợp sẵn ngay từ khi thiết kế, xây dựng, bao gồm:

- Phối hợp với các doanh nghiệp triển khai chương trình mỗi người dân một điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình một đường Internet cáp quang, mỗi hộ gia đình một địa chỉ số;

- Thí điểm và nhân rộng việc xây dựng và sử dụng mạng 5G cùng với xây dựng lộ trình thôi sử dụng mạng 2G, 3G tại tỉnh; đảm bảo phủ sóng 4G 100% tại mọi địa điểm của tỉnh đến năm 2025;

- Chuyển đổi toàn bộ các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (Ipv6);

- Xây dựng mạng lưới băng thông rộng, chất lượng cao kết nối 100% khối cơ quan nhà nước, các khu công nghiệp trong tỉnh đồng thời rà soát, nâng cao mức độ bảo mật, chuẩn hóa mạng lưới của hệ thống Mạng diện rộng (Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II) đang kết nối và sử dụng từ cấp tỉnh đến cấp xã, mở rộng các đối tượng liên quan tham gia đảm bảo thống nhất, đồng bộ và tin cậy phục vụ cho chuyển đổi số;

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) của tỉnh;

- Duy trì hiệu quả hoạt động của Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh; triển khai mở rộng đến cấp xã đảm bảo chất lượng HD để tổ chức các cuộc họp trực tuyến trên toàn tỉnh, đặc biệt phục vụ các cuộc họp tổ chức từ Trung ương trực tuyến đến các xã;

- Triển khai hệ thống wifi công cộng thông minh trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ nhu cầu truy cập thông tin qua mạng Internet thuận lợi cho nhà đầu tư, khách du lịch và nhân dân trong tỉnh khai thác các tiện ích được cung cấp bởi đô thị thông minh, Chính quyền số;

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, môi trường, năng lượng, điện, nước... để chuyển đổi thành hạ tầng số. Tất cả dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu của tỉnh có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối Internet vạn vật (IoT), tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Đến năm 2025, xây dựng hạ tầng IoT (bao gồm cả cảm biến IoT) theo các lĩnh vực khác nhau phục vụ nhu cầu quản lý và phát triển như quản lý đô thị, môi trường, giao thông, an ninh trật tự, nguồn nước...

- Tổ chức số hóa 100% dữ liệu chuyên ngành tại các cơ quan nhà nước. Chuẩn hóa hồ sơ điện tử từ hệ thống mạng văn phòng điện tử liên thông, Công dịch vụ công trực tuyến và các hệ thống thông tin phục vụ phát triển chính quyền điện tử.



#### d) Phát triển dữ liệu

##### - Xây dựng kho dữ liệu dùng chung

+ Đối với cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp: Thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu về thuế, cơ sở dữ liệu về xuất nhập khẩu, hình thành một cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp thống nhất của tỉnh, phục vụ cho nhu cầu khai thác, sử dụng của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Đối với cơ sở dữ liệu về người dân: thực hiện tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu hộ tịch, trên cơ sở đó phát triển mở rộng tích hợp các dữ liệu liên quan đến người dân như y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội,...

+ Đối với cơ sở dữ liệu nền địa chính: Triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa chính, hình thành một bản đồ số nền dùng chung thống nhất của tỉnh; thực hiện bổ sung các lớp dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý đô thị như giao thông, quy hoạch, xây dựng, điện, nước,...

- Xây dựng kho dữ liệu mở của Tỉnh: Kho dữ liệu dùng chung là nguồn cung cấp dữ liệu làm kênh thông tin, chia sẻ tài nguyên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp sử dụng, giúp doanh nghiệp và người dân chủ động tìm kiếm, sử dụng, cập nhật dữ liệu và thông tin để phục vụ cho cuộc sống, công việc kinh doanh và đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng sống, và khuyến khích người dân tích cực tham gia giám sát, quản lý các mặt hoạt động của chính quyền, xã hội. Đồng thời, doanh nghiệp có thể tham gia sử dụng dữ liệu mở để tạo ra sản phẩm giá trị mới đóng góp cho hệ sinh thái ứng dụng của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế tri thức, xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp.

#### đ) Xây dựng nền tảng số

##### - Hệ thống nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của tỉnh

+ Tiếp tục tích hợp các hệ thống thông tin của địa phương, hệ thống thông tin của các bộ, ngành Trung ương, cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua hệ thống (LGSP) của tỉnh và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

+ Xây dựng nền tảng đô thị thông minh (SCP) của tỉnh tích hợp với hệ thống (LGSP) của tỉnh phục vụ triển khai các dịch vụ và ứng dụng thông minh của tỉnh trên các lĩnh vực.

- Nền tảng trí tuệ nhân tạo: gồm các nền tảng giao dịch và các nền tảng đổi mới sáng tạo nhằm phục vụ cho cả các mục tiêu: xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh của tỉnh. Phân biệt rõ các nền tảng trí tuệ nhân tạo được phát triển chung toàn quốc theo kế hoạch, và tập trung xây dựng các nền tảng đặc thù của tỉnh Hưng Yên về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

- Nền tảng chuỗi khối (blockchain): Xây dựng nền tảng blockchain phục vụ nhu cầu sử dụng công nghệ blockchain trong các hệ thống thông tin của tỉnh đảm bảo các yêu cầu: Tổ chức lưu trữ dữ liệu dạng khối (block); quản lý, kiểm soát

các điểm truy cập tham gia chuỗi (blockchain); mã hóa, đảm bảo tính an toàn và toàn vẹn dữ liệu; truy vết được dữ liệu.

e) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Bảo vệ các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình 4 lớp đáp ứng đúng quy định tại Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng và nâng cấp Trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC) của tỉnh.

- Xây dựng mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin mạng trên cơ sở nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ phụ trách an toàn thông tin kết hợp với nhân sự phụ trách công nghệ thông tin các doanh nghiệp, tổ chức.

- Đối với hệ thống kho dữ liệu dùng chung của tỉnh: Xây dựng các quy chế, quy định về vai trò, trách nhiệm và phân quyền khi quản lý, truy cập dữ liệu ở các mức độ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; yêu cầu đơn vị, cá nhân đảm nhiệm vai trò quản trị các dữ liệu nhạy cảm phải cam kết và chịu trách nhiệm tính bảo mật, toàn vẹn dữ liệu; nghiên cứu xây dựng các quy định đối với một số lĩnh vực cần có sự đánh giá về mức độ an ninh, an toàn thông tin từ đơn vị thứ ba theo định kỳ hằng năm; ban hành các quy định về tính riêng tư và cần bảo vệ đối với các thông tin liên quan đến cá nhân để mã hoá và lưu trữ, sẵn sàng bảo mật khi cần chia sẻ với các bên liên quan khác.

- Triển khai các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin đến cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước và nhân viên kỹ thuật của các doanh nghiệp chuyển đổi số,...; thực hiện định kỳ hằng năm với nội dung cập nhật.

- Quá trình chuyển đổi số, mã hóa dữ liệu phải tuân thủ các tiêu chuẩn trong và ngoài nước về tính riêng tư, an ninh, an toàn thông tin và các tiêu chuẩn mã hóa, lưu trữ, giao tiếp/kết nối các hệ thống.

- Duy trì tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cấp tỉnh hằng năm; đảm bảo hoạt động mạng lưới an toàn thông tin của tỉnh, kết nối thường xuyên với mạng lưới quốc gia.

- Tổ chức đánh giá mức độ an toàn các hệ thống thông tin của tỉnh; hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển đô thị thông minh, Chính quyền số; đẩy mạnh triển khai hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

g) Hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

- Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức các hội thảo, đào tạo về chuyển đổi số và định hướng xây dựng chính quyền số với các nước tiên tiến trên thế giới.

- Các tổ chức, doanh nghiệp trong tỉnh hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ lớn trên thế giới để nghiên cứu, phát triển, chuyên giao công nghệ mới, mô hình mới; thực hiện chuyển đổi loại hình hoạt động sang kinh tế số (ít nhất trong quản lý sản xuất và quan hệ khách hàng...); các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện chuyển đổi sang loại hình hoạt động có tính đột phá cao như kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ...

- Tỉnh tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về sử dụng các công nghệ số, các loại hình hoạt động kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

#### h) Phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai thực thi các cơ chế, chính sách: Tổ chức hành động và triển khai quyết liệt quyết liệt và hiệu quả các chính sách, cơ chế phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao tại tỉnh Hưng Yên.

- Đào tạo, phát triển kỹ năng số trong các cơ quan nhà nước: Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng số cho các cán bộ lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước. Các cán bộ này phải chủ động, tiên phong sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số và dẫn dắt quá trình chuyển đổi số. Xây dựng và phát triển mô hình, mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương có ít nhất 1 nhân sự nòng cốt về chuyển đổi số theo hướng đào tạo tại chỗ từ nguồn nhân lực tại chỗ để từ đó tiếp tục nhân rộng, lan tỏa.

- Đào tạo, phát triển kỹ năng số trong khu vực tư nhân: Tổ chức các khóa đào tạo, phổ biến tri thức, kinh nghiệm về chuyển đổi số cho doanh nghiệp; đào tạo kỹ năng số cho người lao động trên địa bàn tỉnh, ưu tiên các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, đột phá và các khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp quan trọng.

- Phát triển, đổi mới và hiện đại hóa cơ sở giáo dục đào tạo: Tiếp tục phát triển, hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ giáo dục đào tạo tại các cơ sở giáo dục đào tạo tỉnh như Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, các trường phổ thông; đổi mới, cập nhật các chương trình giáo dục, đào tạo các ngành CNTT, điện tử, tự động hóa, điện tử viễn thông..., chú trọng đào tạo chuyên sâu các công nghệ nổi bật, có tính ứng dụng cao của CMCN 4.0 như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thực tế ảo, khai phá dữ liệu; đổi mới cập nhật chương trình đào tạo tin học, kỹ năng số tại các trường THCS, THPT để hình thành thói quen số, văn hóa số.

#### i) Các nhiệm vụ, giải pháp khác

Theo định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **2. Phát triển Chính quyền số**

Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền số trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; tạo lập dữ liệu mở dễ dàng truy

cập, sử dụng, tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên cả thiết bị di động thông minh để người dân, doanh nghiệp có trải nghiệm tốt nhất về dịch vụ, nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí.

Các nhiệm vụ của phát triển Chính quyền số ứng với các nhiệm vụ trong Phụ lục II, mục A: Nhóm nhiệm vụ phát triển Chính quyền số.

- a) Phát triển cơ sở hạ tầng và nền tảng dữ liệu chung của tỉnh
  - Phát triển cơ sở hạ tầng cơ bản và hệ thống hiện có;
  - Nâng cấp và hoàn thiện các nền tảng hiện có của tỉnh, đầu tư xây dựng các nền tảng mới.
- b) Số hóa hệ thống dịch vụ công
  - Nâng cấp, mở rộng hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến của tỉnh;
  - Thí điểm triển khai triển khai các dịch vụ mới trên nền tảng và dữ liệu số.
- c) Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số
  - Xây dựng, triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý nội bộ cơ quan nhà nước;
  - Xây dựng, triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành.
- d) Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số vào hoạt động quản lý nhà nước
  - Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong quản lý nội bộ cơ quan nhà nước;
  - Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong quản lý tổng thể tỉnh.
- đ) Số hóa hệ thống điều hành Văn phòng Tỉnh ủy khối Đảng
  - Xây dựng các nền tảng điều hành của khối Đảng;
  - Số hóa và nâng cấp hệ thống hiện tại.
- e) Xây dựng và nâng cấp hệ thống CNTT ở các đơn vị cơ quan nhà nước
  - Thực hiện tuyên truyền về lợi ích của quá trình chuyển đổi số;
  - Đầu tư xây dựng hạ tầng nền tảng cho chuyển đổi số.
- g) Nâng cấp hệ thống, cơ sở hạ tầng số quản lý tài nguyên môi trường, kiểm soát ô nhiễm thông minh
  - Quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường.
  - Nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý tài nguyên môi trường.
- h) Xây dựng cơ chế và triển khai kế hoạch an toàn, an ninh mạng trong quản lý nhà nước
  - Xây dựng quy chế, chính sách an toàn an ninh mạng;
  - Thực hiện đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng an toàn an ninh mạng;
  - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nền tảng bảo đảm an toàn an ninh mạng.

- i) Đổi mới và kiến tạo cơ cấu, quản trị phù hợp với quá trình chuyển đổi số
  - Kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số;
  - Bổ sung, thay đổi cơ chế chính sách phù hợp với môi trường số.
- k) Triển khai thí điểm ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số
  - Triển khai và đánh giá thí điểm chuyển đổi số quy mô nhỏ:
    - + Triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số làm cơ sở, tiền đề nhân rộng mô hình trên địa bàn tỉnh.
    - + Xác định bài học kinh nghiệm làm tiền đề nhân rộng mô hình triển khai trên các khu vực khác và ở quy mô lớn hơn.
  - Thí điểm quy mô lớn.

### **3. Phát triển kinh tế số**

Thúc đẩy phát triển kinh tế số của tỉnh Hưng Yên với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, cung cấp sản phẩm công nghệ số, phát triển nội dung số, quảng cáo số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Các nhiệm vụ của phát triển Kinh tế số ứng với các nhiệm vụ trong Phụ lục II, mục B: Nhóm nhiệm vụ phát triển Kinh tế số.

- a) Xây dựng và đẩy mạnh môi trường Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh
  - Tuyên truyền và phổ cập ứng dụng Thương mại điện tử;
  - Xây dựng hệ thống hạ tầng và nền tảng Thương mại điện tử.
- b) Xây dựng phổ cập thanh toán điện tử
  - Xây dựng kế hoạch thúc đẩy thanh toán điện tử;
  - Hoạt động triển khai đẩy mạnh thanh toán điện tử.
- c) Phát triển, phổ cập CNTT, số hóa cho doanh nghiệp
  - Hỗ trợ về kiến thức và quy trình;
  - Xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy cho doanh nghiệp.
- d) Thúc đẩy sử dụng giải pháp số cho các doanh nghiệp trong tỉnh, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME)
  - Cung cấp, hỗ trợ giải pháp số cho doanh nghiệp;
  - Khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp kiến tạo và sử dụng giải pháp số.
- đ) Chính sách hỗ trợ phát triển bưu chính viễn thông
  - Xây dựng chính sách, cơ chế hỗ trợ phát triển viễn thông;
  - Ứng dụng cơ chế hỗ trợ tối ưu hóa cơ sở hạ tầng viễn thông;

- Triển khai ứng dụng mã bưu chính Vpostcode trên địa bàn tỉnh.
- e) **Đẩy mạnh phát triển sử dụng công cụ tài chính số**
  - Đẩy mạnh ứng dụng thẻ ngân hàng trực tuyến (online banking);
  - Thí điểm, triển khai sử dụng thanh toán qua điện thoại di động.
- g) **Khuyến khích đổi mới mô hình kinh doanh trong nền kinh tế**
  - Tuyên truyền và cập nhật xu hướng mô hình kinh doanh số mới;
  - Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi mô hình kinh doanh.
- h) **Chuyển đổi số trong lĩnh vực ưu tiên:**
  - Lĩnh vực nông nghiệp: Nhiệm vụ KTS8 Phụ lục II;
  - Lĩnh vực tài chính - ngân hàng: Nhiệm vụ KTS2 và KTS6 Phụ lục II;
  - Lĩnh vực năng lượng: Nhiệm vụ KTS10 Phụ lục II;
  - Lĩnh vực sản xuất công nghiệp, thương mại: Nhiệm vụ KTS1, KTS9, KTS11 Phụ lục II;
  - Lĩnh vực xây dựng: Nhiệm vụ KTS12 Phụ lục II;
  - Lĩnh vực du lịch: Nhiệm vụ KTS13 Phụ lục II.

#### **4. Phát triển xã hội số**

Các nhiệm vụ của phát triển Xã hội số ứng với các nhiệm vụ trong Phụ lục II, mục C: Nhóm nhiệm vụ phát triển Xã hội số.

- a) **Thông tin, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số**
  - Xây dựng thông tin, tin tức về chuyển đổi số;
  - Nâng cấp, phát triển báo điện tử và giải pháp tòa soạn điện tử;
  - Tọa đàm và trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số.
- b) **Đào tạo và ứng dụng kỹ năng số trong giáo dục đối với cấp phổ thông**
  - Giới thiệu và đào tạo các kỹ năng cần thiết trong môi trường số;
  - Triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số.
- c) **Đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân:**
  - Xây dựng môi trường đào tạo kỹ năng số;
  - Phổ cập ứng dụng kỹ năng số trong cộng đồng (thực hiện theo ngành dọc).
- d) **Chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên**
  - Lĩnh vực Y tế: Nhiệm vụ XHS5 Phụ lục II;
  - Lĩnh vực giáo dục: Nhiệm vụ: XHS2, XHS3, XHS4 Phụ lục II;
  - Lĩnh vực giao thông vận tải và logistics: Nhiệm vụ XHS7 Phụ lục II;
  - Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Nhiệm vụ CQS7, XHS8 Phụ lục II.

## 5. Đào tạo nhân lực chuyển đổi số

- Đào tạo lực lượng chuyên nghiệp về công nghệ số đáp ứng được các nhu cầu phát triển của tỉnh:

+ Đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ cán bộ, công chức và viên chức hiện có về kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số, có năng lực ứng dụng, dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực và từng địa phương.

+ Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực CNTT đại học và sau đại học;

+ Đào tạo và ứng dụng kỹ năng số trong giáo dục đối với cấp phổ thông.

- Đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân và người lao động để thích ứng với thay đổi của thời chuyển đổi số: Xây dựng các chương trình đào tạo kỹ năng chuyển đổi số theo hình thức trực tuyến và trên các phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo cho người dân dễ hiểu, dễ tiếp cận, dễ áp dụng.

*(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo gồm: Phụ lục I- Phân công theo dõi, đôn đốc thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên; Phụ lục II-Danh mục nhiệm vụ, dự án triển khai Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030).*

### Điều 2. Tổ chức thực hiện

#### 1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên

Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện Đề án chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 thuộc phạm vi quản lý. Nghiên cứu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của tỉnh hướng tới chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án, hoạt động chuyển đổi số của tỉnh.

#### 2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, địa phương; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của đề án báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền các nội dung và kết quả triển khai đề án chuyển đổi số.

- Thực hiện thẩm định, cho ý kiến các dự án đầu tư lĩnh vực công nghệ số, chuyển đổi số, đảm bảo phù hợp với những nhiệm vụ trong Đề án đã được phê duyệt, tránh trùng lặp lãng phí.

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành tiếp cận tư vấn để triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các lĩnh vực chủ quản.

**3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, bố trí nguồn kinh phí hằng năm (từ nguồn ngân sách tỉnh, vốn vay, viện trợ,...) để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh theo đề án được phê duyệt; phối hợp với các tổ chức, đơn vị đẩy mạnh các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

**4. Sở Tài chính:** Phối hợp với các sở, ngành và đơn vị tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên để triển khai các nhiệm vụ thực hiện chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

**5. Sở Khoa học và Công nghệ:** Nghiên cứu đề xuất các chính sách thử nghiệm, cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh; phối hợp chặt chẽ với các trường đại học, doanh nghiệp để thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, sáng kiến ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

#### **6. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố**

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số của cơ quan, chậm nhất **sau 30 ngày** kể từ khi ban hành Đề án, gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Thực hiện xây dựng các dự án, chương trình, kế hoạch triển khai các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, các dự án về nền tảng công nghệ dùng chung của toàn tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

- Định kỳ hằng quý gửi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao (*trước ngày 20 của tháng cuối quý*) về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ CDS tỉnh (Sở TTTT sao gửi);
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Ngân hàng NN chi nhánh Hưng Yên, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bưu điện tỉnh;
- Báo Hưng Yên, Đài PTTH Hưng Yên;
- Trung tâm TT-HN;
- Lưu: VT, KGVX<sup>Ph</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Duy Hưng**



**PHỤ LỤC I**

**Phân công theo dõi, đơn đốc thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2025	Mục tiêu đến năm 2030	Chủ trì theo dõi, đơn đốc	Đơn vị thực hiện
<b>I</b>	<b>Chính quyền số</b>				
1	Cung cấp DVC trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	100% TTHC có đủ điều kiện	100% DVCTT mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau	Sở Thông tin và Truyền thông	VPUBND tỉnh
2	DVC trực tuyến có phát sinh hồ sơ	70%	80%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố
3	DVC trực tuyến có chức năng định danh, xác thực một lần và thanh toán số	100%	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố
4	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC	80%	90%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố
5	Tỷ lệ CQNN tham gia cung cấp dữ liệu mở	80%	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố
6	Tỷ lệ văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử (trừ văn bản mật)	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố
7	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng	Cấp tỉnh: 90% Cấp huyện: 80% Cấp xã: 60%	Cấp tỉnh: 100% Cấp huyện: 90% Cấp xã: 70%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố
8	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán qua Kho bạc nhà nước được nộp trực tuyến	90%	100%	Kho bạc nhà nước tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2025	Mục tiêu đến năm 2030	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Đơn vị thực hiện
9	Tỷ lệ cơ quan hành chính sử dụng hệ thống thông tin báo cáo	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố
10	Số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố
11	Tỷ lệ họp trực tuyến của các cuộc họp có 2 cấp tham gia trở lên	80%	90%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố
12	Tỷ lệ chia sẻ CSDL dùng chung, CSDL chuyên ngành và kết nối với CSDL quốc gia	100%	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố
13	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	50%	70%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố
14	Số lượng đô thị đạt các tiêu chí cơ bản về đô thị thông minh	02 (TP. Hưng Yên và TX. Mỹ Hào)		Sở Thông tin và Truyền thông	UBND thành phố Hưng Yên; UBND Thị xã Mỹ Hào.
15	Tỷ lệ thiết bị quan trắc sử dụng công nghệ số, bảo đảm thu nhận trực tiếp dữ liệu số	80%	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố
16	Tỷ lệ đường giao thông được lắp đặt hệ thống camera giám sát giao thông	Quốc lộ: 100% Tỉnh lộ: 50%	Quốc lộ: 100% Tỉnh lộ: 100%	Công an tỉnh	
17	Tỷ lệ cán bộ, công chức được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số	50%	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố
18	Tỷ lệ cán bộ, công chức được tập huấn nâng cao nhận thức về an toàn thông tin	100%	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố
<b>II</b>	<b>Kinh tế số</b>				

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2025	Mục tiêu đến năm 2030	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Đơn vị thực hiện
1	Tỷ lệ dân số tham gia mua sắm trực tuyến	55%	75%	Sở Công Thương	UBND các huyện, thị xã, thành phố
2	Thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử	50%	80%	Sở Công Thương	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Hưng Yên; UBND huyện, thị xã, thành phố
3	Tỷ lệ giao dịch mua hàng trên website/ứng dụng thương mại điện tử có hóa đơn điện tử	70%	95%	Sở Công Thương	
4	Tỷ lệ xã và các đơn vị hành chính tương đương trên địa bàn tỉnh có thương nhân thực hiện hoạt động bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trực tuyến	50%	80%	Sở Công Thương	
5	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử	50%	80%	Sở Công Thương	
6	Tỷ lệ đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền hình trả tiền triển khai thu cước, phí theo hình thức không dùng tiền mặt.	100%	100%	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Hưng Yên	Các doanh nghiệp dịch vụ và các ngân hàng
7	Tỷ lệ dịch vụ vận tải đường bộ triển khai hình thức thu phí không dùng tiền mặt.	50%	70%	Sở Giao thông vận tải	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố
8	Tỷ lệ đóng góp của kinh tế số vào GRDP của tỉnh	20%	30%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố
9	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	Tối thiểu 10%	20%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố
10	Tăng năng suất lao động hàng năm	7%	7,5%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2025	Mục tiêu đến năm 2030	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Đơn vị thực hiện
11	Số lượng doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh	500	1.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
<b>III</b>	<b>Xã hội số</b>				
1	Độ bao phủ của hạ tầng mạng băng rộng cáp	100% xã, phường, thị trấn	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND huyện, thị xã, thành phố
2	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại thông minh	90%		UBND huyện, thị xã, thành phố	
3	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử	>50%	80%	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Hưng Yên	
4	Tỷ lệ dân số có kỹ năng số cơ bản	70%	>80%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND huyện, thị xã, thành phố
5	Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ Vpostcode	90%	100%	Bưu điện tỉnh	UBND huyện, thị xã, thành phố
6	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cố định	80%	>90%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND huyện, thị xã, thành phố
7	Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu về dân cư với các hệ thống thông tin khác, đảm bảo an toàn thông tin đối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Theo lộ trình thực hiện của Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030" tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ		Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố

**PHỤ LỤC II****Danh mục nhiệm vụ, dự án triển khai Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
<b>A</b>	<b>NHÓM NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ (CQS)</b>						
<b>I</b>	<b>CQS1</b>	<b>Phát triển cơ sở hạ tầng và nền tảng dữ liệu chung của tỉnh</b>					
1	CQS1.1	Phát triển cơ sở hạ tầng cơ bản và hệ thống hiện có	- Nâng cấp Trung tâm dữ liệu của tỉnh, triển khai trung tâm dự phòng, sao lưu dữ liệu của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND	2021-2025	Ngân sách địa phương
2			- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Hưng Yên các phiên bản phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của tỉnh				
3			- Nâng cấp, mở rộng Cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên đến cấp xã - Hoàn thiện, nâng cấp Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND cấp xã		
4	CQS1.2	Nâng cấp và hoàn thiện các nền tảng hiện có của tỉnh, đầu tư xây dựng các nền tảng mới	- Triển khai xây dựng và tích hợp Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Hưng Yên, Cổng dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên; nâng cấp nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh LGSP	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở ban ngành liên quan	2021 - 2030	Ngân sách địa phương
5			- Triển khai xây dựng nền tảng Dịch vụ số hóa dữ liệu;			2021-2025	
6			- Triển khai xây dựng nền tảng IoT; nền tảng đô thị thông minh			2021-2025	
7			- Triển khai xây dựng nền tảng cá nhân hóa thông tin;			2025-2030	
8			- Triển khai xây dựng nền tảng trí tuệ nhân tạo				
9	- Triển khai xây dựng nền tảng chuỗi khối						
<b>II</b>	<b>CQS2</b>	<b>Số hóa hệ thống dịch vụ công</b>					
10	CQS2.1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống Cổng dịch vụ	- Nâng cấp hệ thống giao ban trực tuyến của Tỉnh, hệ thống tiếp nhận đơn, thư, xử lý, phản ánh, kiến nghị của người	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và	2021-2025	

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
		công trực tuyến của tỉnh	dân, doanh nghiệp; các kênh hỏi và đáp trên trang thông tin điện tử của tỉnh, cổng dịch vụ công trực tuyến, kênh Zalo chính quyền điện tử của Tỉnh		Truyền thông		Ngân sách địa phương
11			- Xây dựng cơ chế khuyến khích để người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến (bước đầu là xem xét giảm chi phí, và thời gian khi thực hiện các thủ tục trực tuyến)				
12			- Xây dựng hệ thống tự động báo cáo, phân tích kết quả giải quyết hồ sơ, dịch vụ công - Thực hiện kết nối tới trực kết nối LGSP của tỉnh và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư				
13	CQS2.2	Thí điểm triển khai các dịch vụ mới trên nền tảng và dữ liệu số	Thí điểm triển khai triển khai các dịch vụ mới trên nền tảng và dữ liệu số	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ	2026-2030	Ngân sách địa phương
<b>III</b>	<b>CQS3</b>	<b>Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số</b>					
14	CQS3.1	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý nội bộ CQNN	- Triển khai Hệ thống Quản lý thanh tra khiếu nại tố cáo;	Các Sở ngành, đơn vị liên quan		2022-2023	Ngân sách địa phương
15			- Triển khai Hệ thống thông tin Quản lý và cơ sở dữ liệu vi phạm hành chính				
16	CQS3.2	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành	- Triển khai cơ sở dữ liệu Quản lý ngành lĩnh vực: Y tế, giáo dục, giao thông, tài nguyên... - Thực hiện kết nối tới trực kết nối LGSP của tỉnh và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo lộ trình	Các sở ngành, đơn vị liên quan	Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2030	Ngân sách địa phương
<b>IV</b>	<b>CQS4</b>	<b>Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số vào hoạt động quản lý nhà nước</b>					
17	CQS4.1	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số	-Mở rộng, nâng cấp Hệ thống phần mềm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ trong các CQNN	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban ngành liên quan	2022-2030	Ngân sách địa phương

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
18		trong quản lý nội bộ CQNN	-Triển khai số hóa hồ sơ CBCNV	Sở Nội vụ	Sở, ban ngành liên quan	Hàng năm	
19			- Xây dựng các chính sách, chiến lược phát triển và sử dụng dữ liệu số; trong đó ưu tiên sử dụng dữ liệu số thay thế hồ sơ, giấy tờ cũ trong hoạt động dịch vụ và quản lý công và sử dụng dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành trong tỉnh	Các Sở ngành, đơn vị liên quan	Văn phòng UBND tỉnh đôn đốc thực hiện	2022-2030	
20	CQS4.2	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong quản lý tổng thể tỉnh	-Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử doanh nghiệp tỉnh, tích hợp thông tin thuế, bảo hiểm xã hội phục vụ Lãnh đạo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban ngành liên quan	2022-2025	Ngân sách địa phương
21			- Duy trì hệ thống phòng họp không giấy tờ; các hệ thống thông tin báo cáo	Văn phòng UBND tỉnh		Hàng năm	
22	CQS4.3	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong chỉ đạo, điều hành	Xây dựng Trung tâm Điều hành thông minh (IOC - Intelligent Operations Center) của tỉnh Hưng Yên	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban ngành liên quan	2022-2025	Ngân sách địa phương
			Xây dựng Trung tâm Điều hành thông minh (IOC - Intelligent Operations Center) các huyện, thị xã, thành phố	UBND cấp huyện		2022-2025	
<b>V</b>	<b>CQS5</b>	<b>Số hóa hệ thống điều hành Văn phòng Tỉnh ủy, khối Đảng</b>					
23	CQS5.1	Xây dựng các nền tảng điều hành của khối Đảng	- Xây dựng nền tảng dùng chung cho hệ thống quản lý khối Đảng và tích hợp với các hệ thống thông tin dùng chung	Văn phòng Tỉnh ủy		2022-2023	Ngân sách địa phương
24			- Duy trì hệ thống thông tin điều hành của Tỉnh ủy				
25	CQS5.2	Số hóa và nâng cấp hệ thống hiện tại	-Số hóa toàn bộ tài liệu các cơ quan khối Đảng thuộc Tỉnh ủy và xây dựng hệ thống quản lý thông tin cơ sở dữ liệu khối Đảng.	Văn phòng Tỉnh ủy		2023-2025	Ngân sách địa phương
26			-Nâng cấp, tích hợp hệ thống báo cáo phục vụ chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy				
<b>VI</b>	<b>CQS6</b>	<b>Xây dựng và nâng cấp hệ thống CNTT ở các đơn vị CQNN</b>					
27	CQS6.1	Thực hiện tuyên truyền về lợi ích	- Tạo lập Chuyên mục chuyển đổi số trên đài phát thanh truyền hình tỉnh, cổng điện tử tỉnh và các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện	Các đơn vị liên quan	Sở, ban ngành liên quan	2022	Ngân sách địa phương

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
28		của quá trình chuyển đổi số	- Cập nhật cơ sở dữ liệu hàng năm			Hàng năm	
29	CQS6.2	Đầu tư xây dựng hạ tầng nền tảng cho chuyển đổi số	- Nâng cấp, trang bị và duy trì hệ thống máy tính, thiết bị công nghệ thông tin đầu cuối phục vụ ứng dụng CNTT và xây dựng chính quyền số trong nội bộ các cơ quan	Các cơ quan nhà nước	Các cơ quan nhà nước	Hàng năm	Ngân sách địa phương
30			- Duy trì phòng họp trực tuyến từ UBND cấp tỉnh tới UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh			
<b>VII</b>	<b>CQS7</b>	<b>Nâng cấp hệ thống, cơ sở hạ tầng số quản lý tài nguyên môi trường, Kiểm soát ô nhiễm thông minh</b>					
31	CQS7.1	Quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường	- Công khai minh bạch thông tin về tài nguyên và môi trường thuộc Sở quản lý theo quy định của Pháp Luật	Sở Tài nguyên và Môi trường		2025-2030	Ngân sách địa phương
32			- Xây dựng, cập nhật Hệ thống Kho tư liệu TNMT dạng số phục vụ quản lý, khai thác, sử dụng và chia sẻ thông tin dữ liệu TNMT của tỉnh				
33			- Thu thập, quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017				
34	CQS7.2	Nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý tài nguyên môi trường	- Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin tài nguyên môi trường của tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường		2025-2030	Ngân sách địa phương
35			- Nâng cấp hoàn thiện hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin môi trường, nước, khoáng sản				
36			- Xây dựng mới Hệ thống thông tin đo đạc và bản đồ và tích hợp CSDL nền thông tin địa lý				
37			- Xây dựng, hoàn thiện, bổ sung cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bao gồm: nền địa lý, thanh tra, thư viện điện tử (bao gồm xây dựng phần mềm và chuyển đổi dữ liệu), cơ sở dữ liệu đã xây dựng về tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, môi trường, khoáng sản...				
<b>VIII</b>	<b>CQS8</b>	<b>Xây dựng cơ chế và triển khai kế hoạch an toàn, an ninh mạng trong quản lý nhà nước</b>					
38	CQS8.1	Xây dựng quy chế, chính sách an toàn an ninh mạng	- Tham mưu, và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật Quyết định của UBND tỉnh về cơ chế khai thác, sử dụng dữ liệu trên cơ sở dữ liệu của Tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban ngành; UBND huyện, thị	2022	Ngân sách địa phương
39			- Ban hành danh mục các cơ sở dữ liệu do Tỉnh quản lý				



TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
40			- Ban hành quyết định giao nhiệm vụ cho cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ phụ trách quản lý, kết nối, và chi sẻ dữ liệu của tỉnh		xã, TP liên quan		
41			- Xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước				
42			- Kiện toàn lực lượng thực hiện giám sát, bảo vệ cho các hệ thống thông tin của tỉnh				
43	CQS8.2	Thực hiện đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng an toàn an ninh mạng	- Triển khai các lớp tập huấn liên quan đến an toàn, an ninh mạng: Cho các nhóm đối tượng, trước tiên tập trung vào người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, giám đốc điều hành các doanh nghiệp	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban ngành, UBND huyện, thị xã, TP liên quan	2022-2023	Ngân sách địa phương
44			- Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất				
45		Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nền tảng bảo đảm an toàn an ninh mạng	- Rà soát, bổ sung, mua sắm trang thiết bị máy tính, phần mềm chống virus an toàn, có tính năng bảo mật	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban ngành, UBND huyện, thị xã, TP liên quan	2022-2025	Ngân sách địa phương
46			- Xây dựng và nâng cấp hệ thống trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC).				
47			- Xây dựng và triển khai dự án công tác an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin của Sở theo ND85/2016/ND-CP và các quy định hiện hành				
<b>IX</b>	<b>CQS9</b>	<b>Đổi mới và kiến tạo cơ cấu, quản trị phù hợp với quá trình chuyển đổi số</b>					
48	CQS9.1	Kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số	- Kiện toàn ban chỉ đạo công tác chuyển đổi số và xác định rõ các thành viên có nhiệm vụ tham gia và thực hiện các hành động đặt ra	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban ngành liên quan	Hàng năm	Ngân sách địa phương
49	CQS9.2	Bổ sung, thay đổi cơ chế chính sách phù hợp với môi trường số	Rà soát sửa đổi hoặc đề xuất Trung ương sửa đổi cơ chế để áp dụng công nghệ số, dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế- xã hội; cấu trúc lại quy trình hoạt động và cung cấp dịch vụ công	- Các sở, ban, ngành; - UBND cấp huyện, cấp xã	Các đơn vị liên quan	2021-2025	
50			Rà soát ban hành quy trình, thủ tục thống nhất, đồng bộ về tiếp nhận, xử lý ban hành văn bản trong toàn hệ thống trong cơ quan Đảng. Ban hành các thủ tục hành chính Đảng, bao gồm cả liên thông nhằm nâng cao hiệu quả xử lý và giúp	Văn phòng Tỉnh ủy	Các đơn vị liên quan	2022-2025	

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
			các tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng tra cứu, thực hiện đảm bảo về mặt thủ tục.				
51			-Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền số phù hợp với định hướng Chiến lược quốc gia	- Các sở, ban, ngành; - UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
52			Rà soát các thủ tục hành chính công, thủ tục hành chính ngoài một cửa, thủ tục sự nghiệp công, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước theo hướng đơn giản hoá hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số. Rà soát loại bỏ một số thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số.	- Các sở, ban, ngành; - UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Hàng năm	
53			Xây dựng các chính sách, chiến lược phát triển và sử dụng dữ liệu số; trong đó ưu tiên sử dụng dữ liệu số thay thế thành phần hồ sơ, giấy tờ phải nộp trong cung cấp dịch vụ công và sử dụng dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành để phát triển kinh tế- xã hội. Xây dựng, ban hành Quy chế kết nối, quản lý và chia sẻ dữ liệu số trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	- Các sở, ban, ngành; - UBND cấp huyện, cấp xã	2022-2025	
54			Xây dựng các chính sách, quy định cụ thể về thuế, phí (như phí sử dụng dịch vụ khi thanh toán trực tuyến phí, lệ phí thủ tục hành chính, phí đỗ xe ô tô lòng đường, hè phố,...) để khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.	Sở Tài chính	- Các sở, ban, ngành; - UBND cấp huyện, cấp xã	2022-2025	
<b>X</b>	<b>CQS10</b>	<b>Triển khai thí điểm ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số</b>					
55	CQS10.1	Triển khai và đánh giá thí điểm chuyển đổi số quy mô nhỏ	- Triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số làm cơ sở, tiền đề nhân rộng mô hình trên địa bàn tỉnh - Xác định bài học kinh nghiệm lấy làm cơ sở tiền đề nhân rộng mô hình triển khai trên các khu vực khác và ở quy mô lớn hơn	UBND thành phố Hưng Yên và UBND thị xã Mỹ Hào	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2023	Ngân sách địa phương

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
56	CQS10.2	Thí điểm quy mô lớn	- Lựa chọn một huyện/thành phố để triển khai thí điểm các ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số, từ đó phát triển nhân rộng trong địa bàn tỉnh Hưng Yên	UBND huyện/ thành phố được chọn		2023-2030	Ngân sách địa phương
<b>B NHÓM NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ</b>							
<b>I</b>	<b>KTS1</b>	<b>Xây dựng và đẩy mạnh môi trường Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh</b>					
57	KTS1.1	Tuyên truyền và phổ cập ứng dụng Thương mại điện tử	- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và kỹ năng về Thương mại điện tử	Sở Công Thương	UBND cấp huyện và các doanh nghiệp, HTX đóng trên địa bàn tỉnh	2023-2025	Ngân sách địa phương
58			- Phát triển cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX ứng dụng các giải pháp Thương mại điện tử và tham gia hội nhập phát triển trong các sàn giao dịch Thương mại điện tử trong và ngoài nước, và của tỉnh Hưng Yên				
59	KTS1.2	Xây dựng hệ thống hạ tầng và nền tảng Thương mại điện tử	- Xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử	Sở Công Thương	UBND các huyện và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh	2025-2030	Ngân sách địa phương
60			- Tập huấn nâng cao năng lực Quản lý nhà nước, thực thi pháp luật về Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh và tổ chức các khóa tập huấn cho doanh nghiệp về Thương mại điện tử				
61			- Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững - Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030				
<b>II</b>	<b>KTS2</b>	<b>Xây dựng phổ cập thanh toán điện tử</b>					
62	KTS2.1	Xây dựng kế hoạch thúc đẩy thanh toán điện tử	- Tổ chức hội thảo, tham mưu về xây dựng triển khai thanh toán điện tử với các đơn vị liên quan cả khu vực công và tư	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Hưng Yên	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn	2024	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
63	KTS2.2	Hoạt động triển khai đẩy mạnh thanh toán điện tử	- Thúc đẩy phát triển không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh thông qua tuyên truyền, xây dựng tài liệu thông tin cho công đồng	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Hưng Yên	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn UBND các cấp	2023-2025	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW
64			- Xây dựng các chương trình khuyến khích ứng dụng trong xã hội, ưu đãi ngắn-trung hạn cho các doanh nghiệp đẩy mạnh thanh toán điện tử trên địa bàn tỉnh				
65			- Đưa dịch vụ tài chính- ngân hàng đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ dựa vào sự đổi mới sáng tạo của công nghệ như thanh toán di động.				
66			- Các ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, đổi mới, sáng tạo, tự động hóa quy trình				
67			- Thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính (fintech) và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái hệ thống dịch vụ tài chính ngân hàng thúc đẩy phổ cập tài chính Quốc gia				
<b>III</b>	<b>KTS3</b>	<b>Phát triển, phổ cập CNTT, số hóa cho doanh nghiệp</b>					
68	KTS3.1	Hỗ trợ về kiến thức và quy trình	- Nâng cao năng lực cho Doanh nghiệp khởi nghiệp: Tư vấn xây dựng chiến lược truyền thông số cho doanh nghiệp khởi nghiệp. (Tư vấn lộ trình, hướng dẫn SME hoạt động trực tuyến và tiêu chuẩn hóa sản phẩm).	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện; - Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc.		2025-2030	Nguồn vốn đầu tư của Doanh nghiệp
69			- Số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu mở rộng cho cộng đồng thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên. (Vấn đề về vốn, hạ tầng, pháp lý, giáo dục, nguồn nhân lực; tương tác của người dân, doanh nghiệp hiện hữu về những khó khăn, vấn đề gặp phải và cần giải quyết trong cuộc sống, những đặt hàng giải quyết vấn đề).				
70	KTS3.2	Xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy cho doanh nghiệp	- Xây dựng cơ chế, chính sách để thúc đẩy hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp trên nền tảng số từ vốn nhà nước cũng như vốn tư nhân qua việc số hóa và đơn giản hóa quy trình gọi vốn và quy trình đầu tư trong tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì theo dõi đôn đốc	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn	2025-2030	

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
					tỉnh tổ chức thực hiện		
<b>IV</b>	<b>KTS4</b>	<b>Thúc đẩy sử dụng giải pháp số cho các doanh nghiệp trong tỉnh, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME)</b>					
71	KTS4.1	Cung cấp, hỗ trợ giải pháp số cho doanh nghiệp	- Cung cấp, hỗ trợ các giải pháp truyền thông, quảng bá và PR cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện hỗ trợ theo chức năng nhiệm vụ		Hằng năm	Ngân sách địa phương
72			- Triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế				
73			- Nghiên cứu, xây dựng các khu thử nghiệm dành cho doanh nghiệp công nghệ số theo mô hình tiên tiến của thế giới				
74			- Đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung nghiên cứu, phát triển công nghệ nền tảng và công nghệ ứng dụng				
75	KTS4.2	Khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp kiến tạo và sử dụng giải pháp số	- Tham mưu, thực hiện các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh phát triển các ứng dụng, giải pháp CNTT	Các sở ban ngành thực hiện hỗ trợ theo chức năng nhiệm vụ		Hằng năm	
76			- Tuyên truyền đẩy mạnh phong trào sáng tạo, phát triển giải pháp số trong cộng đồng doanh nghiệp qua các thông tin, quảng bá về các sản phẩm thành công				
77			- Tham mưu, thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc chuyển đổi số, ví dụ ưu đãi thuế đưa sản phẩm lên nền tảng TMDT của tỉnh, cơ chế hướng dẫn, đồng hành cùng doanh nghiệp trong chuyển đổi v.v				
<b>V</b>	<b>KTS5</b>	<b>Chính sách hỗ trợ phát triển bưu chính viễn thông</b>					
78	KTS5.1	Xây dựng chính sách, cơ chế hỗ trợ phát triển viễn thông	- Đề xuất các chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng mạng 5G, ưu tiên các khu công nghiệp,	Sở Thông tin và Truyền thông		2025-2030	
79			- Đề xuất chính sách ưu đãi thuế và hỗ trợ đầu tư phát triển mạng 5G tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh như khu vực				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
80			trung tâm, khu vực thương mại dịch vụ, khu vực công nghiệp, khu dân cư				
			- Cung cấp, hỗ trợ vay vốn ưu đãi miễn lãi, lãi suất thấp hoặc thời gian ưu đãi dài hơn để đẩy mạnh phát triển mạng và dịch vụ viễn thông				
81	KTS5.2	Ứng dụng cơ chế hỗ trợ tối ưu hóa cơ sở hạ tầng viễn thông	- Chính sách chia sẻ hạ tầng mạng viễn thông, bao gồm các chính sách khuyến khích các công ty viễn thông sử dụng chung hạ tầng, hạn chế xây mới các nhà trạm	Sở Thông tin và Truyền thông		2025-2030	
82			- Sử dụng quỹ viễn thông công ích nhằm phát triển hệ thống băng thông rộng trong tỉnh				
83	KTS5.3	Triển khai ứng dụng mã bưu chính Vpostcode trên địa bàn tỉnh	- Xây dựng định hướng triển khai thí điểm và sử dụng mã bưu chính Vpostcode trên toàn tỉnh với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Bưu điện tỉnh		2025-2030	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW
84			- Định hướng kế hoạch ứng dụng nền tảng Vpostcode hoàn chỉnh vào các giải pháp, công nghệ số như Thương mại điện tử, logistics v.v.				
<b>VI</b>	<b>KTS6</b>	<b>Đẩy mạnh phát triển sử dụng công cụ tài chính số</b>					
85	KTS6.1	Đẩy mạnh ứng dụng online banking	- Tuyên truyền và gia tăng hiểu biết của người dân về kiến thức và tiện ích của ngân hàng online bao gồm các dịch vụ như tiết kiệm, bảo hiểm, tín dụng để tăng tài chính toàn diện cho người dân	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Hưng Yên		2025-2030	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW
86			- Phổ cập ứng dụng ngân hàng online qua hợp tác, khuyến khích doanh nghiệp cũng như tiểu hương sử dụng các dịch vụ trực tuyến như trả lương qua ngân hàng, chi tiêu online, mua sắm online				
87	KTS6.2	Thí điểm, triển khai sử dụng mobile money	- Phối hợp với cơ quan cấp bộ và cấp nhà nước, đồng hành với các doanh nghiệp tiên phong trong thí điểm mobile money trên địa bàn tỉnh	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Hưng Yên		2025-2030	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW
<b>VII</b>	<b>KTS7</b>	<b>Khuyến khích đổi mới mô hình kinh doanh trong nền kinh tế</b>					

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
88	KTS7.1	Tuyên truyền và cập nhật xu hướng mô hình kinh doanh số mới	- Giới thiệu và tuyên truyền cho doanh nghiệp và cộng đồng về các mô hình kinh doanh và xu hướng phát triển mới cho chuyển đổi số như nền tảng giao hàng logistics, nền tảng đặt hàng trực tuyến, trung tâm hỗ trợ v.v.	Sở Công Thương		2025-2030	Ngân sách địa phương
89			- Tổ chức hội thảo hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm về các mô hình kinh doanh và xu hướng phát triển mới trong môi trường số				
90	KTS7.2	Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi mô hình kinh doanh	- Đưa ra các khuyến khích trong phạm vi tỉnh cho các doanh nghiệp để đổi mới mô hình kinh doanh bao gồm các ưu đãi ngắn hạn, trung hạn hoặc các yêu cầu về năng lực mới trong các gói thầu đưa ra	Sở Công Thương		2025-2030	
91			- Đề ra các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình kinh doanh				
<b>VIII</b>	<b>KTS8</b>	<b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp</b>					
92	KTS8.1	Số hóa dữ liệu ngành	- Xây dựng cơ sở dữ liệu nhãn hiệu sản phẩm nông nghiệp trên môi trường mạng, đảm bảo an ninh và an toàn dữ liệu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2024-2025	Ngân sách địa phương
93			- Xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin nông nghiệp từ các nguồn dữ liệu: trồng trọt, chăn nuôi), kết hợp dữ liệu khí tượng - thủy văn, tình hình dịch bệnh và dữ liệu bản đồ nền				
94			- Sử dụng phần mềm trong công tác quảng bá, giới thiệu, quản lý, buôn bán sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Hưng Yên				
95	KTS8.2	Ứng dụng CNTT vào quản lý, phát triển ngành	- Triển khai ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS hỗ trợ quản lý, giám sát và cảnh báo dịch bệnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND cấp huyện	2024-2025	Ngân sách địa phương
96			- Đưa vào sử dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao quy trình theo hướng hữu cơ, GAP...thông qua các phần mềm hỗ trợ trồng trọt, nông lịch, hệ thống tưới tự động				
97			- Tiếp tục quy hoạch, thu hút đầu tư xây dựng các vùng chuyên canh, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản theo				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
			phương thức nuôi thâm canh, bán thâm canh ứng dụng công nghệ cao.				
98			- Sử dụng phần mềm trong công tác quảng bá, giới thiệu, quản lý, buôn bán sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Hưng Yên.				
99			- Triển khai các ứng dụng, cảm biến cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai, nguồn nước để người dân chủ động các giải pháp nâng cao chất lượng sản xuất, nuôi trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số.				
100			- Phát triển các nền tảng số, nền tảng thương mại điện tử, nền tảng truy xuất nguồn gốc... cho nông nghiệp, nông thôn và người nông dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình sản xuất kinh doanh, quản lý, giám sát chuỗi cung ứng sản phẩm.				
<b>IX</b>	<b>KTS9</b>	<b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp</b>					
101	KTS9.1	Truyền bá, phổ cập thông tin chuyển đổi số	- Phối hợp với các doanh nghiệp tư nhân tại khu công nghiệp để thông tin, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp	Sở Công Thương	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh	2025-2030	Nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp
102			- Tổ chức các hội thảo với chuyên gia, doanh nghiệp trong nước và quốc tế để thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp				
103	KTS9.2	Đào tạo và phát triển nền tảng số trong sản xuất công nghiệp	- Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất	Sở Công Thương	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh	2025-2030	Nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp
104			- Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng các ưu đãi cho các doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số lĩnh vực sản xuất				
105			- Xây dựng cơ chế ưu đãi mới cho các khu công nghiệp liên quan đến việc nâng cấp cơ sở hạ tầng và đầu tư nền tảng số cho hoạt động sản xuất				
<b>X</b>	<b>KTS10</b>	<b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng</b>					



TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
106	KTS10.1	Tiết kiệm năng lượng trong đô thị thông minh	- Tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả;	Sở Công Thương		2025-2030	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW
107			- Kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới nhanh hơn, hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất, mất mát điện năng.				
108			- Hiện đại hoá hệ thống cơ sở hạ tầng ngành điện, đi đôi với nâng cao năng suất lao động, chất lượng điện năng, chất lượng dịch vụ cung cấp điện				
<b>XI</b>	<b>KTS11</b>	<b>Phát triển khu công nghiệp</b>					
109	KTS11.1	Hỗ trợ doanh nghiệp	- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư, xây dựng nền tảng hạ tầng, ví dụ wifi, 5G, v.v	Ban quản lý Khu công nghiệp	Doanh nghiệp tại tỉnh	2025-2030	Ngân sách địa phương
110			- Đẩy mạnh cập nhật, nâng cấp và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động đầu tư, xây dựng và quản lý khu				
111			- Hỗ trợ lãnh đạo khu công nghệ trong quá trình tìm kiếm nhà đầu tư, tìm kiếm doanh nghiệp trên cả nước và thế giới				
112			- Phát triển và hoàn thiện Khu theo mô hình Khu công nghệ cao, đảm bảo sức cạnh tranh, thu hút nhà đầu tư so với các Cụm, khu công nghiệp trong nước và trong vùng				
113	KTS11.2	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư tại Khu công nghiệp	- Có chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp CNTT, doanh nghiệp công nghệ cao "đóng đô" tại các khu công nghiệp	Ban quản lý các KCN tỉnh		2025-2030	
<b>XII</b>	<b>KTS12</b>	<b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực xây dựng</b>					
114	KTS12.1	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành	- Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhà ở, bất động sản	Sở Xây dựng		2025-2030	Ngân sách địa phương
115			- Xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn nguyên liệu dùng cho sản xuất vật liệu Xây dựng				
116			- Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch Xây dựng				
117	KTS12.2	Ứng dụng khoa học công nghệ cho chuyển đổi số lĩnh vực xây dựng	- Áp dụng khoa học kỹ thuật, các tiêu chuẩn tiêu chí phù hợp hướng tới triển khai xây dựng thông minh, góp phần vào việc xây dựng đô thị thông minh trên toàn tỉnh	Sở Xây dựng		2025-2030	Ngân sách địa phương
118			- Ứng dụng nền tảng GIS để xây dựng quy trình lập quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
119			- Ứng dụng nền tảng mô hình thông tin công trình (BIM) cho việc xây dựng quy trình nhận hồ sơ, thẩm định dự án xây dựng.				
120			- Đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức, công chức ngành đáp ứng yêu cầu Chuyển đổi số				
<b>XIII</b>	<b>KTS13</b>	<b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch</b>					
121	KTS13.1	Phát triển thông tin quảng bá du lịch tỉnh	- Phát triển ứng dụng di động dành cho khách du lịch Hưng Yên (all in one) để hỗ trợ du khách	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		2025-2030	Ngân sách địa phương
122			- Sử dụng trang web du lịch chính thức để giúp du khách lên kế hoạch cho chuyến đi đến Hưng Yên, và nhận thông tin về các doanh nghiệp du lịch đáng tin cậy				
123			- Cung cấp thông tin về các địa điểm du lịch trên trang web du lịch chính thức của Tỉnh				
124			- Chuẩn hóa nội dung số giới thiệu về điểm đến, sản phẩm, dịch vụ du lịch tiêu biểu của tỉnh Hưng Yên và phát triển ứng dụng thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị di động thông minh				
125			- Tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành du lịch.				
126			- 100% công tác quản lý liên quan đến du lịch (các cơ sở cung cấp dịch vụ cho du lịch, hướng dẫn viên, công ty khai thác du lịch...) được điện tử hóa, số hóa.				
127			- Xây dựng và triển khai giải pháp du lịch qua hình ảnh đối với những di tích lịch sử quan trọng của tỉnh Hưng Yên, qua đó cung cấp những thông tin chính thống đối với vấn đề văn hóa, lịch sử.				
128	KTS13.2	Nâng cấp hệ thống dịch vụ phục vụ du lịch	- Cung cấp wifi miễn phí tại các địa điểm du lịch	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		2025-2030	Ngân sách địa phương
129			- Xây dựng thông tin tên đường, biển báo, di tích văn hóa lịch sử (ví dụ mã QR code, v.v)				
130			- Hợp tác với các bên liên quan trong ngành để thu thập và chia sẻ dữ liệu thông qua cơ sở dữ liệu dùng chung				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
131			- Đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán trực tuyến (qua ví, thẻ ngân hàng trực tuyến, QR Code...) ở tất cả các điểm đến du lịch.				
132			- Xây dựng các ứng dụng giám sát, cảnh báo an toàn, hỗ trợ khách du lịch trong những trường hợp cần sự trợ giúp, trường hợp khẩn cấp.				
133			- Ứng dụng thực tế ảo và thực tế tăng cường (AR/VR) trong lĩnh vực văn hóa.				
134			- Số hóa các di sản văn hóa để phổ cập qua công nghệ số.				
135			- Ứng dụng công nghệ số trong công tác tập luyện, tổ chức thi đấu thể thao.				
<b>C</b>	<b>NHÓM NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ</b>						
<b>I</b>	<b>XHS1</b>	<b>Thông tin, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số</b>					
136			- Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền;				
137			- Xây dựng phóng sự, chương trình truyền thanh, truyền hình;				
138	XHS1.1	Xây dựng thông tin, tin tức về chuyển đổi số	- Xây dựng các bài viết, chuyên đề trên báo in, báo điện tử;	Sở Thông tin và Truyền thông		2022-2025	Ngân sách địa phương
139			- Xây dựng các chuyên mục thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số của chính quyền và người dân trên website của các sở ban ngành, báo điện tử, báo in				
140			- Đưa vào quản lý toàn bộ quá trình tác nghiệp, phê duyệt, xuất bản, đánh giá bài viết, tính nhuận bút, đề phê duyệt cho áp dụng sản xuất báo giấy và báo điện tử				
141	XHS1.2	Nâng cấp, phát triển báo điện tử và giải pháp tòa soạn điện tử	- Cho phép áp dụng các công nghệ tự động, hiển thị đầy đủ dữ liệu đa phương tiện trên máy tính, thiết bị cầm tay, kết nối giải pháp tòa soạn điện tử, cung cấp thông tin quản lý hạ tầng đô thị trên mã QR code, app mobile	Sở Thông tin và Truyền thông		2022-2024	Ngân sách địa phương
142			- Tổ chức các hội thảo, hội nghị;				
143	XHS1.3	Tọa đàm và trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số	- Tổ chức các hoạt động tôn vinh thành công điển hình;	Sở Thông tin và Truyền thông		2022-2025	Ngân sách địa phương
144			- Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền khác về chuyển đổi số.				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
145			-Tổ chức Hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, giải đáp thắc mắc về chuyển đổi số				
<b>II</b>	<b>XHS2</b>	<b>Đào tạo và ứng dụng kỹ năng số trong giáo dục đối với cấp phổ thông</b>					
146	XHS2.1	Giới thiệu và đào tạo các kỹ năng cần thiết trong môi trường số	- Đào tạo, tập huấn hướng nghiệp, tin học ứng dụng, để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện và các trường học trên địa bàn	Hàng năm	Ngân sách địa phương
147	XHS2.2	Triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số	- Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (ví dụ các chương trình giáo dục STEM, STEAM), đào tạo tiếng Anh và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện và các trường học trên địa bàn	Hàng năm	Ngân sách địa phương
<b>III</b>	<b>XHS3</b>	<b>Đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân</b>					
148	XHS3.1	Xây dựng môi trường đào tạo kỹ năng số	- Cung cấp các khoá học đại trà trực tuyến mở cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số.	Sở Giáo dục và Đào tạo		Hàng năm	Ngân sách địa phương
149			- Xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập;				
150	XHS3.2	Phổ cập ứng dụng kỹ năng số trong cộng đồng (thực hiện theo ngành dọc)	- Thực hiện chính sách công nhận giá trị của các chứng chỉ học trực tuyến, thực hiện theo ngành dọc, đồng bộ với lộ trình của Bộ;	Sở Giáo dục và Đào tạo		2023-2024	
151			- Tham mưu, thực hiện các chính sách nhằm khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ phục vụ giáo dục hướng tới đào tạo cá thể hóa				
<b>IV</b>	<b>XHS4</b>	<b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục</b>					
152	XHS4.1	Xây dựng và áp dụng ứng dụng số trong giáo dục	- Phổ cập hệ thống quản lý trường học số như quản lý tài chính, quản lý hoạt động tại tất cả các trường trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo		2022-2025	Ngân sách địa phương

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
153			- Phổ cập và triển khai sử dụng hệ thống quản lý học sinh như quản lý phí, học phí điện tử đảm bảo sẵn sàng việc thu/chi không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, các loại học bạ, sổ điện tử, hệ thống quản lý bán trú và các hệ thống, ứng dụng công nghệ cao khác				
154			- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện), kết hợp học trên lớp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới				
155			- Thống nhất nhận thức trong đội ngũ giáo viên, học sinh và nâng cao nhận thức về chuyển đổi số giáo dục tới mọi công dân tỉnh.				
156			- Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin cho ngành giáo dục tỉnh Hưng Yên theo hướng hiện đại, thiết thực, và hiệu quả.				
157	XHS4.2	Triển khai đẩy mạnh ứng dụng số tại các đơn vị đào tạo	- Thí điểm hệ thống học tập đa phương tiện tại một số trường trên địa bàn tỉnh, ví dụ như có máy chiếu, các tiết học dựa trên các ứng dụng thực tế ảo, bảng điện tử thông minh v.v	Sở Giáo dục và Đào tạo		2022-2025	Ngân sách địa phương
158			- Khuyến khích các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, và đại học thực hành đào tạo trực tuyến cho những khóa học phù hợp				
159			- Xây dựng cơ chế, chính sách và đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục số với thiết bị, công nghệ hiện đại và phương pháp áp dụng tối ưu				
<b>V</b>	<b>XHS5</b>	<b>Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế</b>					
160	XHS5.1	Nâng cấp hạ tầng và xây dựng nền tảng số trong y tế	- Đảm bảo hạ tầng CNTT cho các đơn vị Y tế trên địa bàn Tỉnh - Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thông tin của các cơ sở y tế để hoạt động trên môi trường số, đảm bảo hướng triển khai rộng rãi các hệ thống khám chữa bệnh thông minh với bệnh án điện tử tại các bệnh viện.	Sở Y tế	Bệnh viện và trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh	2022-2025	Ngân sách địa phương

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
161			- Phát triển, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong các lĩnh vực y tế				
162			-Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, kết nối hồ sơ sức khỏe điện tử tại các cơ sở khám chữa bệnh theo lộ trình quy định tại Thông tư 46/TT-BYT ngày 29/12/2018 của Bộ Y tế. - Hoàn thiện bổ sung dữ liệu cho hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử				
163			-Phổ cập nhập liệu điện tử bằng máy tính tại các bệnh viện, các trạm y tế xã phường thay vì dùng bảng giấy				
164			-Quản lý, kết nối thông tin Y tế với các cơ quan, doanh nghiệp, trường học trên địa bàn tỉnh				
165			-Triển khai hệ thống quản lý khám chữa bệnh (HIS) tại các cơ sở khám chữa bệnh, phần mềm Quản lý xét nghiệm (LIS), Lưu trữ truyền tải hình ảnh (RIS-PACS)				
166			-Triển khai việc đăng ký, khám chữa bệnh từ xa -Thúc đẩy dịch vụ khám chữa bệnh từ xa (telehealth) bằng cách chuẩn hóa một số lĩnh vực cụ thể trong y tế có thể thay thế cách khám chữa bệnh truyền thống bằng việc khám chữa bệnh từ xa				
167	XHS5.2	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động y tế	-Phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về y tế, ứng dụng các công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) trong việc xây dựng, lưu trữ dữ liệu y tế. Ứng dụng các công nghệ phân tích (ví dụ: trí tuệ nhận tạo - AI) để phân tích số liệu về hoạt động y tế kịp thời, dự báo chính xác về diễn biến tình trạng sức khỏe, bệnh tật và dịch bệnh trong cộng đồng, từ đó có các chính sách quản lý y tế phù hợp.	Sở Y tế	Bệnh viện và trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh		Ngân sách địa phương
168			-Xây dựng, triển khai hệ thống quản lý và công thông tin về ngộ độc thực phẩm, phản ánh các thông tin mất an toàn vệ sinh thực phẩm, cảnh báo nhanh về an toàn thực phẩm cho người dân qua các ứng dụng nhắn tin di động, kết nối với thông tin kiểm nghiệm thực phẩm.				
169			-Triển khai ứng dụng đăng ký khám chữa bệnh trực tuyến, triển khai Hệ thống Cơ sở dữ liệu Dược Quốc gia, kết nối				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
170			liên thông cơ sở dữ liệu cung ứng thuốc trên toàn quốc; triển khai hệ thống tiêm chủng quốc gia....				
			-Tiếp tục triển khai hệ thống thống kê y tế điện tử trên toàn tỉnh.				
171			-Thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi người dân có một bác sĩ riêng” với mục tiêu mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân, trên cơ sở đó được bác sĩ tư vấn, chăm sóc cho từng người dân như là bác sĩ riêng, hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị. Tạo hành lang pháp lý để tạo điều kiện cho khám chữa bệnh từ xa và đơn thuốc điện tử cho người dân, nhằm bảo đảm người dân có thể tiếp xúc bác sỹ nhanh, hiệu quả, giảm chi phí và thời gian vận chuyển bệnh nhân.				
172			-Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và người lao động của ngành y tế sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng trong công việc; Nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn, bảo mật trong quá trình vận hành, khai thác hạ tầng, ứng dụng trong công việc của cán bộ, công chức ngành y tế trong việc xử lý các công việc hàng ngày.				
<b>VI</b>	<b>XHS6</b>	<b>Xây dựng môi trường số an toàn và tin cậy cho cộng đồng</b>					
173	XHS6.1	Cung cấp thông tin và kiến thức về an toàn trên môi trường số	- Xây dựng thông tin và tuyên truyền trên các kênh chính thống của chính quyền về các hiểm họa trên môi trường số như đánh cắp thông tin, lừa đảo v.v cũng như cách phòng tránh và cách sử dụng công nghệ tối ưu để gây dựng niềm tin vào hệ thống mạng và khuyến khích người dân truy cập môi trường số	Công an tỉnh		2022-2025	Ngân sách địa phương
174	XHS6.2	Xây dựng cơ chế chính sách an toàn số cho cộng đồng	- Xây dựng và đề xuất các thay đổi, bổ sung về mặt luật pháp trong địa bàn tỉnh hoặc cao hơn để phòng tránh và xử phạt các trường hợp lợi dụng môi trường mạng	Công an tỉnh		2022-2025	

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
175	XHS6.2	Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu Quốc gia về dân cư đối với các hệ thống thông tin của các sở, ngành, địa phương, thực hiện quản lý, đảm bảo an toàn dữ liệu về dân cư	Công an tỉnh	Các sở, ban ngành, địa phương	Theo lộ trình của Bộ Công an	Ngân sách địa phương
<b>VII</b>	<b>XHS7</b>	<b>Xây dựng, triển khai, ứng dụng CNTT trong giao thông thông minh, logistics</b>					
176	XHS7.1	Định hướng và khuyến khích phát triển giải pháp giao thông thông minh, logistics	- Hợp tác và khuyến khích các doanh nghiệp GTVT thông minh như Grab, Be tham gia mở rộng tại thị trường Hưng Yên qua các ưu đãi, tài trợ phù hợp	Sở Giao thông vận tải		2025-2030	Nguồn đầu tư của doanh nghiệp
177			- Hợp tác và khuyến khích các doanh nghiệp cung cấp giải pháp kho bãi, logistics thông minh như Logivan, Ninjavan... tham gia mở rộng tại thị trường Hưng Yên qua các ưu đãi, tài trợ phù hợp				
178			- Tổ chức các hội thảo, hội đàm chia sẻ và thảo luận giữa khu vực công và tư trong định hướng phát triển và cung cấp giải pháp giao thông thông minh, xác định các giải pháp và ứng dụng phù hợp với địa bàn và xu hướng đổi mới trong tỉnh				
179	XHS7.2	Ứng dụng triển khai giao thông thông minh	- Phát triển hệ thống giao thông thông minh, tập trung vào các hệ thống giao thông đô thị, các đường cao tốc, quốc lộ. Chuyển đổi các hạ tầng logistics.	Sở Giao thông vận tải		2023-2025	Ngân sách địa phương
180			- Xây dựng hệ thống kiểm soát nhận dạng phương tiện				
181			- Triển khai hệ thống giám sát hành trình thông minh				
182			- Thí điểm và ứng dụng các công nghệ giao thông mới như đèn giao thông thông minh, quản lý giao thông thông minh, điểm đỗ xe thông minh				
183			- Phát triển các nền tảng đảm bảo trạng thái của chuỗi dịch vụ logistics được chuyển đổi số trong tất cả các công đoạn; Từng bước thiết lập đồng bộ nền tảng giao dịch số về logistics để đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước.				



TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Nguồn vốn
184			- Phát triển các nền tảng kết nối giữa các chủ hàng, các nhà giao vận và khách hàng				
185	XHS7.3	Ứng dụng triển khai Logistics	- Xây dựng và làm đầy đủ phiên bản số của hệ thống logistics diễn đạt trạng thái thực tất cả các công đoạn của chuỗi dịch vụ logistics;	Sở Giao thông vận tải		2023-2025	Ngân sách địa phương
186			- Xây dựng bản đồ GIS về logistics; nghiên cứu thành lập Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động logistics (xã hội hóa); từng bước thiết lập đồng bộ nền tảng giao dịch số về logistics để đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước				
<b>VIII</b>	<b>XHS8</b>	<b>Kiểm soát ô nhiễm thông minh</b>					
187	XHS8.1	Kiểm soát quản lý tình hình hiện tại	- Phát triển mô hình kiểm soát ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Tài nguyên và Môi trường		2023	Ngân sách địa phương
188			- Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin TNMT của tỉnh; Nâng cấp hoàn thiện hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin môi trường, nước, khoáng sản; Xây dựng mới Hệ thống thông tin đo đạc và bản đồ và tích hợp CSDL nền thông tin địa lý				
189	XHS8.2	Ứng dụng CNTT vào quản lý môi trường tương lai	- Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển Quản lý Chất thải Thông minh	Sở Tài nguyên và Môi trường		2024-2030	Ngân sách địa phương
190			- Sử dụng tài nguyên được phân bổ một cách hiệu quả nhất có thể bằng cách sử dụng Quản lý chất thải thông minh, loại bỏ việc thu gom rác không cần thiết và thay vào đó dựa vào việc thu gom theo yêu cầu)				
191			- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bao gồm: nền địa lý, thanh tra, thư viện điện tử (bao gồm xây dựng phần mềm và chuyển đổi dữ liệu), cũng như hoàn thiện, bổ sung cơ sở dữ liệu đã xây dựng về tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, môi trường, khoáng sản Triển khai các giải pháp thông minh nhằm cảnh báo sớm thiên tai.				
192			- Xây dựng các ứng dụng quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi				

<b>TT</b>	<b>Mã nhiệm vụ</b>	<b>Tên nhiệm vụ</b>	<b>Nội dung nhiệm vụ</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Lộ trình</b>	<b>Nguồn vốn</b>
193			trường; Phân tích và dự báo môi trường theo thời gian thực để giám sát, kịp thời xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.				
194			- Triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ số để ứng phó với biến đổi khí hậu./.				